

Bản án số: 69/2023/DS-PT

Ngày: 10-01-2023.

V/v tranh chấp hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tú.

Các Thẩm phán:

1/ Bà Nguyễn Thị Cúc.

2/ Bà Lê Thị Thuận.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yến– Thư ký
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn
Thị Kim Tiền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 và ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:
501/2022/TLPT-DS ngày 23/11/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”;

Do bản án sơ thẩm số 561/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân
dân Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6374/2022/QĐ-PT ngày
15/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Huỳnh Minh S, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 34/7 Ấp M, xã T, Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Trần T, sinh năm 1983.

2.2 Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 73/4 Đường L, tổ M, ấp T, Xã T, Huyện H, Thành phố Hồ Chí
Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Trịnh Đức H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: E 72A ấp M, xã X, Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Trần T:

Luật sư Nguyễn Thị D- Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

Theo Đơn khởi kiện ngày 21/6/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Minh S trình bày:

Ngày 19/4/2018 ông có cho bà Nguyễn Thị Ngọc T1, ông Nguyễn Trần T vay số tiền 1.800.000.000 đồng. Ngày 20/4/2018 bà T1, ông T có vay thêm số tiền 1.742.000.000 đồng, hợp đồng vay bằng miệng, thỏa thuận lãi suất 2% tháng, thời hạn vay 1 tháng, khi giao tiền bà T1, ông T có viết giấy nhận tiền đầy đủ. Sau khi đến hạn bà T1, ông T không trả tiền và cho là không vay tiền của ông.

Nay ông S yêu cầu bà T1, ông T trả tiền vay với số tiền 1.800.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực thi hành, ông S không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T1, ông Nguyễn Trần T, có ông Trịnh Đức H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 19/4/2018 ông T, bà T1 có nhận của ông S số tiền 1.800.000.000 đồng, đây là tiền ông S mua miếng đất tại Tân Xuân (Ông T, bà T1 có ký nhận trong giấy đặt cọc mua đất của ông S).

Ngày 20/4/2018 bà T1, ông T có ký công chứng sang tên miếng đất cho ông S tại Văn Phòng công chứng Lý Thị Như Hòa với giá tiền 1.850.000.000 đồng và bà T1, ông T đã nhận đủ số tiền bán đất. Ngoài giao dịch cHển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên thì ông T, bà T1 không có bất cứ giao dịch nào khác với ông S. Bà T1, ông T không đồng ý trả cho ông S số tiền 1.800.000.000 đồng vì đó là số tiền mà bà T1, ông T bán đất cho ông S.

Tại bản án sơ thẩm số: 561/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh S.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T1, ông Nguyễn Trần T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Minh S số tiền 1.800.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/9/2022 bị đơn ông T, bà T1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông T, bà T1 là không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 15/9/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Huyện H kháng nghị toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 561/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm:***

+ Nguyên đơn ông Huỳnh Minh S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Huyện H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T1, ông Nguyễn Trần T có ông Trịnh Minh H đại diện theo ủy quyền yêu cầu HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Trần T phân tích và xác định: Tài liệu, chứng cứ mà ông S căn cứ vào để yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 1.800.000.000 đồng, tài liệu chứng cứ này không thể hiện giao dịch vay mượn tiền mà đây là việc nhận tiền của giao dịch cHên nhượng đất giữa 02 bên.

Mặc dù, hợp đồng cHên nhượng đất giữa 02 bên khi ký công chứng chỉ ghi giá cHên nhượng là 108.000.000 đồng nhưng thực tế 02 bên cHên nhượng 1.850.000.000 đồng. Theo chứng thư thẩm định giá số 0950/2020/CT-VATC ngày 20/10/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ Toàn Cầu (VATC) đối với thửa đất 522, tờ bản đồ số 14 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Số vào sổ cấp GCN: CH00677 do Ủy ban nhân dân Huyện H cấp ngày 16/8/2012. Đăng ký thay đổi ngày 04/12/2017 tại thời điểm tháng 4/2018 là 1.778.000.000 đồng => Nguyên đơn không khiếu nại đối với kết quả thẩm định giá này.

Đề nghị: HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông T, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra Thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và cHên hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các bên đương sự đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng. Đơn kháng cáo trong hạn luật định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011 xử: chấp nhận kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Huyện H theo hướng Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 561/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân Huyện H là bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Minh S.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Trần T, bà Nguyễn Thị Ngọc T1, kháng cáo trong thời hạn luật định nên chấp nhận.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Huyện H, kháng nghị trong thời hạn luật định nên chấp nhận.

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Huyện H đưa bà Nguyễn Thị Huệ vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm bà Huệ có bản tự khai ngày 31/7/2019 trình bày số tiền tranh chấp 1.800.000.000 đồng là tiền riêng của ông S cho bị đơn vay không liên quan đến hợp đồng cHên nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/4/2018, do vậy không cần thiết đưa bà Nguyễn Thị Huệ vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai thừa nhận của các bên đương sự nhận thấy:

Nguyên đơn ông Huỳnh Minh S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T, bà T1 trả số tiền vay 1.800.000.000 đồng vào ngày 19/4/2018. Nguyên đơn ông S căn cứ vào tờ giấy có nội dung: “phần này dùng để 02 bên ký xác nhận thanh toán” Phía dưới có nội dung:

+ “Hôm nay, ngày 12/4/2018 tôi có nhận của chị Huệ 50.000.000 đồng ” có chữ ký và tên của bà Nguyễn Thị Ngọc T1.

+ “ Ngày 19/4/2018 tôi đã nhận đủ số tiền là 1.800.000.000 (một tỷ tám) của ông S.” Có chữ ký và tên của bà Nguyễn Thị Ngọc T1, ông Nguyễn Trần T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, phần có nội dung: “Hôm nay, ngày 12/4/2018 tôi có nhận của chị Huệ 50.000.000 đồng ” có chữ ký và tên của bà Nguyễn Thị Ngọc T1 => đây là tiền đặt cọc cHên nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 522 TBĐ số 14, tọa lạc tại xã Tân Xuân, Huyện H.

Ông S trình bày do quen biết nên hai bên không lập hợp đồng vay mà chỉ ký nhận tiền vào phần phía dưới nội dung đặt cọc cHên nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 522 TBĐ số 14, tọa lạc tại xã Tân Xuân, Huyện H, và nguyên đơn căn cứ vào tài liệu chứng cứ này để yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 1.800.000.000 đồng.

Bị đơn ông T, bà T1 không thừa nhận có việc vay nguyên đơn số tiền 1.800.000.000 đồng mà đây là số tiền ông S thanh toán cho ông T, bà T1 từ giao dịch cHên nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 522, xã Tân Xuân, H.

Xét, nội dung tại tờ giấy “phần này dùng để 02 bên ký xác nhận thanh toán” Phía dưới có nội dung:

“ Ngày 19/4/2018 tôi đã nhận đủ số tiền là 1.800.000.000 (một tỷ tám) của ông S.” Có chữ ký và tên của bà Nguyễn Thị Ngọc T1, ông Nguyễn Trần T - nội dung này không thể hiện việc ông T, bà T1 có vay ông S số tiền 1.800.000.000 đồng. Mặt khác, ông S chỉ căn cứ vào tài liệu chứng cứ này để yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.800.000.000 đồng, ngoài tài liệu chứng cứ này thì ông S không cung

cấp được tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh hai bên có xác lập giao dịch vay tiền.

Bên cạnh đó, từ ngày 12/4/2018 đến ngày 20/4/2018 giữa nguyên đơn và bị đơn có thực hiện giao dịch cHên nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 522 TBĐ số 14, xã Tân Xuân, Huyện H. Mặc dù trong hợp đồng cHên nhượng đất ngày 20/4/2018 công chứng tại Văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa giá cHên nhượng là 108.000.000 đồng nhưng theo ông T, bà T1 thì giá cHên nhượng thực tế là 1.850.000.000 đồng, ngày 12/4/2018 đã nhận cọc 50.000.000 đồng, sau đó ông T, bà T1 đã nhận đủ số tiền 1.800.000.000 đồng nên đã ký nhận vào tờ giấy mà ông S cung cấp và ông S căn cứ vào tài liệu này để đòi nợ bị đơn. Đồng thời, theo kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá và dịch vụ Toàn Cầu (VATC) thì phần đất thửa đất số 522 TBĐ số 14, xã Tân Xuân, Huyện H cHên nhượng giữa ông S, ông T, bà T1 tại thời điểm tháng 4/2018 có giá là 1.778.000.000 đồng. Do vậy, việc bị đơn trình bày số tiền 1.800.000.000 đồng mà bị đơn ký nhận ngày 19/4/2018 là tiền thanh toán từ hợp đồng cHên nhượng quyền sử dụng đất là phù hợp.

Tại phiên tòa, ông S trình bày ngày 19/4/2018 ông S cho ông T, bà T1 vay số tiền 1.800.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng, không có lãi suất. Đến ngày 20/4/2018 bà T1, ông T có vay thêm số tiền 1.742.000.000 đồng, hợp đồng vay bằng miệng, thỏa thuận lãi suất 2% tháng, thời hạn vay 1 tháng nhưng giấy nợ ngày 20/4/2018 ông S đã làm mất, cả 02 lần cho vay đều không có tài sản T chấp. Giữa ông S, ông T bà T1 chỉ quen biết nhau từ giao dịch cHên nhượng quyền sử dụng đất nhưng ông S lại cho ông T, bà T1 vay số tiền lớn mà không lập hợp đồng vay, không có tài sản T chấp, việc ký giao nhận tiền lại ghi vào tờ giấy đã có nội dung giao nhận tiền đặt cọc cHên nhượng quyền sử dụng thửa đất số 522 TBĐ số 14 tọa lạc tại xã Tân Xuân là không hợp lý.

Từ những nhận định nêu trên nhận thấy không có cơ sở xác định giữa ông S với ông T, bà T1 có xác lập giao dịch vay số tiền 1.800.000.000 đồng. Do vậy, việc ông S yêu cầu ông T, bà T1 cùng có trách nhiệm trả số tiền vay 1.800.000.000 đồng là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Huyện H, kháng cáo của bị đơn ông T, bà T1 cũng như đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T là có cơ sở nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của bị đơn ông T, bà T1, đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được văn bản gửi qua đường bưu điện là giấy ủy quyền (bản photo) đề ngày 30/11/2022 của ông Huỳnh Minh S, ủy quyền cho Nguyễn Vũ Đăng Nam. Tại phiên tòa, chỉ có mặt ông S và ông S cũng không cung cấp bản chính giấy ủy quyền đề ngày 30/11/2022 của ông Huỳnh Minh S, ủy quyền cho Nguyễn Vũ Đăng Nam và ông S không có ý kiến gì về việc ủy quyền, đồng ý xét xử.

Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 66.000.000 đồng.

Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên người kháng cáo là bà T1, ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 8, 10, 11, 14, 372, 274, 275 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Huyện H và kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Trần T, bà Nguyễn Thị Ngọc T1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 561/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Minh S đòi bà Nguyễn Thị Ngọc T1, ông Nguyễn Trần T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Minh S số tiền 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng).

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu), được cản trừ tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu) theo biên lai số 0004413 ngày 11/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện H. Ông S phải nộp thêm 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Trần T, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Trần T, bà Nguyễn Thị Ngọc T1 theo biên lai thu tiền số AA/2021 0040084 ngày 19/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện H

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND TP Thủ Đức, TP.HCM;
- Chi cục THA DS Huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Mai Thị Thanh Tú

